

Bản án số: 19/2024/DS-ST

Ngày: 10-5-2024

V/v: *Hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nơi

2. Ông Nguyễn Thế Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2024/TLST- DS ngày 20/02/2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Hoàng Văn X, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974.

Đều ở địa chỉ: Thôn Ph, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình.

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983 và bà Bùi Thị Th, sinh năm 1979.

Đều ở địa chỉ: Thôn Ph, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(*Ông X, bà H, ông H, bà Th đều có mặt.*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, ông X, bà H đều trình bày:***

Vợ chồng ông, bà với vợ chồng ông H, bà Th có mối quan hệ hàng xóm láng giềng. Ngày 23/9/2021, vợ chồng ông, bà có cho vợ chồng ông H, bà Th vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), lãi suất 1,2%/tháng, trả lãi 01 lần với thời hạn 06 tháng/lần, quá kỳ hạn 06 tháng lại viết giấy lại. Đến ngày 23/3/2022, vợ chồng ông H, bà Th lại vay tiếp vợ chồng ông, bà số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), lãi suất 02%/tháng, 01 tháng trả lãi 01 lần, quá kỳ hạn 06 tháng mà hai bên không vay hoặc không cho vay phải thanh toán số tiền gốc đã vay, hoặc vay tiếp thì viết lại giấy vay. Từ lần vay đầu tiên đến ngày 29/12/2023 (âm lịch), vợ chồng ông H, bà Th mới trả được số tiền lãi là 15.000.000 đồng, đến nay vợ

chồng ông H, bà Th không trả nữa, vợ chồng ông, bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H, bà Th trả tiền gốc đã vay nhưng ông H, bà Th chỉ hứa hẹn mà không trả. Nay ông, bà đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông H, bà Th phải trả số tiền gốc đã vay của vợ chồng ông, bà là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), không yêu cầu bà Th, ông H phải trả tiền lãi.

*** Trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông H, bà Th đều trình bày:**

Vợ chồng ông, bà có mối quan hệ với vợ chồng ông X, bà H là hàng xóm, láng giềng với nhau; vợ chồng ông, bà và ông X, bà H không có quan hệ làm ăn, chỉ có giao dịch vay mượn tài sản cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 23/9/2021, vợ chồng ông, bà vay của vợ chồng ông X, bà H số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng.

- Lần thứ hai: Ngày 23/3/2022, vợ chồng ông, bà vay của vợ chồng ông X, bà H số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng.

Cả hai lần vay tiền trên, vợ chồng ông, bà đều là người nhận tiền từ ông X, bà H và có ký giấy biên nhận vay tiền; vợ chồng ông, bà vay tiền mục đích làm ăn, phát triển kinh tế. Từ khi vay tiền đến nay thì vợ chồng ông, bà chưa trả được số tiền gốc; còn tiền lãi đã trả được 16.000.000 đồng. Hiện nay vợ chồng ông, bà xác định còn nợ vợ chồng ông X, bà H số tiền gốc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn, làm ăn bị thua lỗ nên chưa có điều kiện trả một lúc khoản tiền đã vay; vợ chồng ông, bà xin phép được trả dần số tiền đã vay của ông X, bà H.

Tranh luận: Ông X, bà H, ông H, bà Th không có tranh luận.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông H, bà Th phải trả cho vợ chồng ông X, bà H số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Bị đơn phải chịu tiền án phí có giá ngạch theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông X, bà H khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông H, bà Th; ông H, bà Th cư trú tại Thôn Ph, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 2 điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[2] Tại phiên tòa có mặt ông X, bà H, ông H, bà Th; Tòa án xét xử có mặt ông X, bà H, ông H, bà Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo như giấy biên nhận vay tiền ngày 23/9/2021 và ngày 23/3/2022 thì ông H, bà Th thừa nhận còn nợ ông X, bà H số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm; tính từ ngày 23/9/2021 đến thời điểm ông X, bà H viết đơn khởi kiện lần đầu ngày 16/02/2024 vẫn nằm trong thời hiệu khởi kiện. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ý kiến trình bày của bị đơn cùng các tài liệu các đương sự cung cấp thấy rằng: Ngày 23/9/2021 và ngày 23/3/2022 thì ông H, bà Th thừa nhận còn nợ ông X, bà H số tiền gốc là 100.000.000 đồng, các đương sự đều thống nhất và không có tranh chấp về số tiền này; vợ chồng ông X, bà H yêu cầu vợ chồng ông H, bà Th phải trả ngay số tiền 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi suất; vợ chồng ông H, bà Th đề nghị do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin được phép trả dần số tiền này. Căn cứ vào 02 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 23/9/2021 và ngày 23/3/2022 có căn cứ xác định vợ chồng ông H, bà Th còn nợ vợ chồng ông X, bà H số tiền 100.000.000 đồng. Từ phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông X, bà H; buộc vợ chồng ông H, bà Th phải trả cho vợ chồng ông X, bà H số tiền gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông H, bà Th phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự có giá ngạch theo trị giá tài sản tranh chấp là 100.000.000 đồng, cụ thể: $100.000.000 \times 5/100 = 5.000.000$ đồng. Trả lại ông X, bà H số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0003631, ngày 20/02/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 184; khoản 1 Điều 227; Điều 235; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 155; Điều 166; Điều 249; Điều 463; Điều 466; Điều 280 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông X, bà H, cụ thể: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Th phải trả cho vợ chồng ông Hoàng Văn X, bà Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Th phải chịu 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông X, bà H số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0003631, ngày 20/02/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà.

3. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

4. Ông X, bà H, ông H, bà Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Trác